

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 30/5/2018

V/v tranh chấp dân sự, vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;
2. Ông Phan Trọng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST - DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1943 và bà Trần Thị T, sinh năm 1947, địa chỉ: Ấp C, xã Gành Dầu, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ 05, khóm V, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 08/3/2018).

2. Đồng bị đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973, cùng địa chỉ ĐKHKT: tổ 5, khóm V, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Cống chào xã VG thuộc khu vực ấp VL, xã VG, huyện T, tỉnh An Giang.

Ông V có mặt tại phiên tòa; ông B, bà Th vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/12/2017 của ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh V (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày: Ngày 07/4/2012 (ngày 17/3 âm/2012), vợ chồng ông Ph và bà T cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,7%/tháng áp dụng cho 05 tháng đầu, những tháng sau áp dụng lãi suất 01%/tháng, không thời hạn (khi cần báo trước 03 tháng) có giấy mượn tiền do ông B và bà Ph và ký tên. Sau khi vay, ông B và bà Th có trả lãi 05 tháng x 1.700.000 đồng/tháng = 8.500.000 đồng, 09 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 9.000.000 đồng, tổng cộng tiền lãi đã trả 17.500.000 đồng thì ngưng không trả vốn lãi tiếp và có hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Ông Ph và bà T yêu cầu ông B và bà Ph trả vốn 100.000.000 đồng dứt điểm, không yêu cầu trả lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp “Tờ mượn tiền” ngày 17/3 âm/2012.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th khai: Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, vốn vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, khi cần báo trước 03 tháng, có tờ mượn nợ do bà Th viết và ông B, bà Th ký tên. Từ ngày 07/5/2012 (ngày 17/4 âm/2012) đến ngày 26/01/2016 (ngày 17/12 âm/2015) ông bà trả lãi được 33 tháng x 1.000.000 đồng = 33.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh trả lãi. Ông B và bà Th đồng ý còn nợ ông Ph và bà T 100.000.000 đồng, xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ; yêu cầu không điều chỉnh và không tính lãi suất.

Ông B, bà Th cung cấp cho Tòa án Đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí có xác nhận hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đức.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông V (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông B và bà Th vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông B và bà Th đã được

triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn thống nhất có vay và còn nợ như nguyên đơn yêu cầu. Việc thỏa thuận vay tài sản là tự nguyện, không trái quy định. Bị đơn không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ ĐHKHTT: tổ 5, khóm V, phường VN, thành phố CD, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 07/4/2012, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, không thời hạn (khi cần báo trước 03 tháng), nguyên đơn khai bị đơn trả lãi 14 tháng, bị đơn khai trả lãi 33 tháng (đến ngày 25/12/2016) và còn nợ vốn 100.000.000 đồng. Ngày 25/12/2017, nguyên đơn khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, không xem xét theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Vốn vay:

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/4/2018, biên bản hòa giải ngày 05/4/2018, ông B và bà Th khai, ngày 07/4/2012 (ngày 17/3 âm/ 2012), ông bà có vay của ông Ph và bà T 100.000.000 đồng, có “Tờ mượn tiền” do ông Ph và bà T cung cấp có nội dung đúng là chữ viết của bà Th và chữ ký của ông B, bà Th. Nay, còn nợ và đồng ý có trách nhiệm trả cho ông Ph và bà T vốn 100.000.000 đồng, nhưng xin trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Ông B và bà Th vay tiền của ông Ph và bà T nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông Ph, bà T yêu cầu ông B và bà Th có trách nhiệm trả vốn 100.000.000 đồng là có căn cứ, chấp nhận.

[2] Tiền lãi:

Ông V (đại diện To ury quyền của ông Ph và bà T) khai, sau khi vay tiền, ông B và bà Th có trả lãi được 17.500.000 đồng; Biên bản lời khai ngày ngày 02/4/2018, ông B và bà T khai trả lãi được 33.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không yêu cầu xem xét giải quyết.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi, xét có lợi cho bị đơn nên không không đề cập giải quyết.

[3] Buộc ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 (Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông B và bà Th xin trả 2.000.000 đồng/tháng là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Xét, không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí,

Ông B và bà Th phải chịu 5.000.000 đồng (của số tiền 100.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng có đơn đề nghị miễn án phí được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc xác nhận có hoàn cảnh khó khăn; Miễn ½ án phí dân sự sơ thẩm, ông B và bà Th phải chịu 2.500.000 đồng.

Ông Ph và bà T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005); các Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T.

Buộc ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Th phải chịu 5.000.000 đồng (của số tiền 100.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng có đơn đề nghị miễn án phí được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc xác nhận có hoàn cảnh khó khăn; Miễn $\frac{1}{2}$ án phí, ông B và bà Th phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Ph, bà T (ông V đại diện theo ủy quyền) có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông B và bà Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

